

Bản án số: 53/2018/DS-PT

Ngày 21 -11-2018

V/v tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng
Bà Mai Thị Minh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLPT-DS ngày 08-8-2018 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Cao Thị N ; cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà N:*

NLQ2; cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Ông Ngô Trọng T; cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. NLQ1;

2. NLQ2;

3. NLQ3;

Đều cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

4. NLQ4; cư trú tại: phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

5. NLQ5; cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

- *Người đại diện theo ủy quyền của NLQ5:* Ông Ngô Trọng T; cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

6. NLQ6; cư trú tại: xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

7. NLQ7 và NLQ8 ; cư trú tại: xã H, huyện D, tỉnh L.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà Cao Thị N ủy quyền cho NLQ2 kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm: Chị NLQ2, bà N, Ông T , chị NLQ4, anh T có mặt. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là Bà Cao Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm NLQ1, NLQ4, NLQ2, NLQ3 đều ủy quyền cho bà N tham gia tố tụng giải quyết vụ án, bà N trình bày:

Diện tích đất ở của gia đình bà đang sử dụng có nguồn gốc là do hai cụ Ngô Sinh K (là bố mẹ chồng) cho từ năm 1985, vợ chồng bà đã xây dựng công trình gồm 01 gian nhà ngói; 01 gian buồng và 01 gian nhà bếp. Năm 1995 được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích là 100m² đất ở thuộc thửa 2081 tờ bản đồ số 6. Có vị trí tứ cận phía Nam giáp thửa 2084 tờ bản đồ số 6 hiện do Ông Ngô Trọng T sử dụng.

Năm 2007 bà phá dỡ gian buồng và 01 gian bếp, năm 2014 phá dỡ gian nhà lợp ngói để xây dựng nhà ở như hiện nay. Khi bà xây dựng lại công trình, thì ranh giới đất phía Nam của gia đình bà, tiếp giáp với nhà ở và vườn cụ P (sau này cụ P chuyển nhượng cho NLQ7 và NLQ7 chuyển nhượng cho Ông T). Hiện trạng ranh giới lúc đó, hai tường cách nhau 0,5m chạy suốt theo chiều dài nhà bà N và phần ranh giới tiếp giáp với vườn cụ P có ngăn cách bằng hàng rào dây thép gai cột chống.

Năm 2016 Ông T mua nhà của cụ P đã phá dỡ xây nhà mới lần sang phần đất ranh giới giữa hai nhà, để làm sân và xây nhà ở. Phần đất Ông T xây dựng lấn sang nhà bà N khoảng 7,5m² tính từ mép tường ngoài nhà bà N về phía đất nhà Ông T rộng 0,5m và kéo dài theo tường nhà bà là 15m có vị trí ở nửa phía Tây của đường ranh giới.

Trong quá trình Ông T xây dựng công trình đã gây hư hại nhà ở của bà, như nút nê các gian nhà, cầu thang, cửa sổ, mái tôn và đường ống nước sạch ở ranh giới. Bà yêu cầu Ông T trả lại phần đất lấn chiếm 15m² bằng việc thanh toán trị giá diện tích trên và bồi thường giá trị công trình bị hư hỏng là 35.000.000đ.

Ngày 10-5-2018 Tòa án huyện Nam Trực lập biên bản thông báo cho nguyên đơn nộp tiền chi phí giám định, để xác định nguyên nhân thiệt hại do công trình xây dựng.

Ngày 10-5-2018 nguyên đơn có đơn rút lại yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do công trình Ông T gây ra.

Ngày 11-5-2018 Tòa án huyện Nam Trực ra quyết định số 01/2018/QĐST-DS đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện về việc bà N yêu cầu anh T bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án Ông Ngô Trọng T là bị đơn và NLQ5 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ủy quyền cho Ông T giải quyết vụ án, Ông T trình bày:

Nguồn gốc thửa 2084 tờ bản đồ số 6 diện tích 186m² đất, ông đang sử dụng là của cụ Đặng Thị P đã sử dụng hơn 70 năm, đến năm 2005 chuyển nhượng cho cháu là anh Đặng Giang Đ, năm 2015 NLQ7 chuyển vào Miền Nam sinh sống nên chuyển nhượng thửa đất trên cho ông.

Năm 2016 UBND huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Hiện trạng ranh giới phía Bắc của thửa đất, khi ông nhận chuyển nhượng có 3 gian nhà cấp 4 và bức tường rào xây giáp với đất bà N, mặt tường sau của 3 gian nhà cấp 4 cách nhà bà N khoảng 15 cm, bức tường rào cách tường bà N khoảng 5cm đến 7cm. Khi ông phá dỡ 03 gian nhà cấp 4 và tường bao thì bà N mới chát áo chân tường phía sau nhà bà N. Khi phá dỡ công trình cũ ông còn chụp ảnh lại ranh giới giữa hai nhà thể hiện đoạn ranh giới đang tranh chấp móng nhà bà N cách móng cũ nhà cụ P, xây trước đây bằng chiều dài 01 viên gạch (20cm). Bà N cho rằng ông phá dỡ công trình cũ, xây mới đã lấn sang đất của gia đình bà N chiều ngang là 0,5m và chiều dài là 15m, đoạn ranh giới phía trước nhà bà N là không có cơ sở nên ông không đồng ý.

Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định tiên hành ủy thác cho Tòa án huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng thu thập tài liệu chứng cứ đối với NLQ7 và NLQ8 . Tại biên bản lấy lời khai ngày 03-10-2018 NLQ7 và NLQ8 trình bày:

Khoảng năm 2015 anh chị có sang nhượng cho Ông Ngô Trọng T diện tích đất 186m², việc sang nhượng đã thanh toán xong tiền bạc và làm thủ tục theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm chuyển nhượng nhà đất cho Ông T , tính từ đường vào thì ranh giới giữa nhà anh chị với nhà bà N có rãnh khoảng 50cm, tiếp theo có tường rào xây khoảng 10m ra phía sau. Lời khai của bà N trình bày ranh giới giữa nhà của anh chị, nay là nhà của Ông T , tính từ đường N vào thì chiều rộng là 0,5m, chiều dài 15m là không đúng.

Vợ chồng anh có sang nhượng cho NLQ6; địa chỉ xã N, huyện N, tỉnh N diện tích đất làm ngõ đi chiều rộng 1,5m chiều dài 23m diện tích là 34m². Diện tích đất 34m² này đã được trừ vào diện tích anh chị đã bán cho Ông T . Anh chị xác định không liên quan gì đến vụ án, tranh chấp giữa bà N với Ông T tự giải quyết. Anh chị không tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai NLQ6 trình bày: Ông P chồng bà N là cháu ruột của ông, bà P là chị gái của ông. Ông T là cháu họ của ông. Ông đi tỉnh L khai hoang, đến năm 1979 về địa phương sinh sống UBND xã N cấp cho ông 360m² đất nhưng không có ngõ đi, ông phải đi nhờ ngõ của ông Ngô Sinh T để ra đường, do không có ngõ đi ra đường, nên năm 2006 ông mua của NLQ7 là cháu của cụ P 34m² đất có chiều dài 23m, rộng 1,5m để làm ngõ đi như hiện nay, có vị trí phía Nam giáp ông T, phía Bắc giáp nhà cụ P nay nhà anh T, phía Tây giáp đường N, phía NLQ7 giáp nhà ông. Ông mua đất làm ngõ đi sau khi bà P chết và làm ngõ đi từ năm 2006 được chính quyền địa phương xác nhận. Năm 2015-

2016 NLQ7 bán đất cho Ông T không bao gồm 34m² đất ngõ, còn việc mua bán đất giữa NLQ7 và anh T như thế nào ông không biết. Ông không liên quan đến tranh chấp đất giữa nhà bà N và nhà anh T, nên ông không tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Tại bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 29-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực đã quyết định. Căn cứ Điều 35, Điều 47, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 131, Điều 163, Điều 164, Điều 166 và Điều 175 BLDS năm 2015; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu của Bà Cao Thị N về việc yêu cầu gia đình Ông Ngô Trọng T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 7,5m² ở ranh giới phía Nam (về đường N) của diện tích đất ở của gia đình Bà Cao Thị N đang sử dụng.

Xác định đoạn ranh giới phía Nam (về đường N) diện tích đất ở của gia đình Bà Cao Thị N thuộc thửa 2081 tờ bản đồ số 6 xã N, huyện N, tỉnh N tiếp giáp với diện tích đất của gia đình Ông Ngô Trọng T đang sử dụng thuộc thửa 2084 tờ bản đồ số 6 xã N, huyện N chạy dài theo tường và cách mặt tường nhà Bà Cao Thị N 0,15m về phía NLQ7 dài 16,3m tính từ góc nhà phía Tây Nam của bà N và về phía Tây tiếp giáp với đường N. Có sơ đồ kèm theo.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực số 01/2018/QĐ-SCBSBA ngày 10-7-2018 quyết định sửa chữa bổ sung bản án số 05/2018/DS-ST ngày 29-6-2018 của Tòa án nhân dân huyện Nam Trực như sau: Tại dòng thứ 9 từ dưới lên trang 5 của bản án đã ghi: “tường nhà Bà Cao Thị N 0,15m về phía NLQ7 dài 16,3m”. Nay sửa chữa bổ sung như sau: “tường nhà Bà Cao Thị N 0,15m về phía NLQ7 dài 16,3m”.

Ngày 29-6-2018 NLQ2 là người đại diện theo ủy quyền của Bà Cao Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau đây:

Đo đạc lại phần đất nhà Ông T và toàn bộ phần đất nhà mẹ chồng bà N, phần đất nhà bà N thậm chí cả những hộ liền kề để lấy lại diện tích đất Ông T lấn chiếm đất của gia đình bà N chiều rộng là 0,5m chiều dài là 15m.

Yêu cầu Ông T bồi thường thiệt hại là tài sản là làm hỏng mái tôn, hỏng cửa sổ, dột nát, nứt nẻ cầu thang, trần nhà. Cấp sơ thẩm yêu cầu gia đình bà N phải nộp ứng chi phí là 40.000.000đ bà N không đồng ý.

Trong mục 6 phần nhận định của bản án và mục 1 trong phần quyết định có sự mâu thuẫn nhau đoạn ranh giới giữa nhà bà N và nhà Ông T ở phần nhận định là 15cm còn ở phần quyết định là 0,15cm.

Yêu cầu Tòa án xem xét các chứng cứ hình ảnh do Ông T cung cấp theo bà N được biết có bức ảnh được ghép, giả mạo.

Tại Phiên tòa phúc thẩm: Chị NLQ2 giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày NLQ7 chuyển nhượng cho NLQ6 34m² đất làm ngõ đi, diện tích đất này chưa được trừ vào diện tích đất NLQ7 bán cho Ông T. Theo kết quả đo hiện trạng đất ngày 06-11-2018 thì diện tích đất nhà Ông T là 192,9m² thừa so với giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất là 6,9m². Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Anh T và chị NLQ4 nhất trí với lời trình bày của chị NLQ2.

Ông T trình bày: Diện tích ngõ đi của cụ NLQ6 do NLQ7 bán cho cụ NLQ6 đã được thể hiện trên bản đồ năm 1993. Khi Ông T dỡ nhà cụ P xây dựng lại thì gia đình bà N mới trát tường. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Về nội dung, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị NLQ2, do việc đo đạc lại đất của hai gia đình các bên tự xác định mô mốc, nên xác định lại ranh giới giữa hộ Ông T và hộ bà N. Căn cứ khoản 2 Điều 308 BLTTDS đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về xác định lại ranh giới và án phí dân sự sơ thẩm. Án phí phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét kháng cáo của NLQ2 thấy:

[1] Về tố tụng: Ngày 29-6-2018 bà N có văn bản ủy quyền cho NLQ2 được thay mặt bà N tham gia tố tụng tại Tòa án và có toàn quyền giải quyết vụ án cho đến khi giải quyết xong vụ án. Trong hạn luật định chị NLQ2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, căn cứ khoản 6 Điều 272 BLTTDS, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị NLQ2.

[2] NLQ7 và NLQ8, NLQ6 đều đề nghị Tòa án không đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của NLQ7 NLQ8 và của NLQ6.

[3] Về đề nghị đo đạc lại thửa đất: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất gia đình bà N và thửa đất gia đình Ông T bằng phương pháp đo thước dây, sau khi xét xử sơ thẩm chị NLQ2 có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tiến hành đo đạc lại, tại biên bản làm việc ngày 06-9-2018 bà N và chị NLQ2 đều không yêu cầu Tòa án đo đạc lại thửa đất. Tại phiên tòa ngày 29-10-2018 chị NLQ2 đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để tiến hành đo đạc lại thửa đất, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị NLQ2 và tiến hành thẩm định lại thửa đất bằng máy, do Văn phòng đăng ký đất đai thuộc Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định tiến hành đo đạc gồm 3 thửa đất là thửa đất nhà Ông T, thửa đất nhà ông P, thửa đất ông K (đã chết nay là ông K1 sử dụng). Trước khi đo đạc các hộ liền kề gồm Ông T, bà N, ông K1 và hộ ông T giáp đất ông K1 tự xác định mốc giới và được đánh bằng dấu sơn. Nay chị NLQ2 tiếp tục có đơn đề nghị đo đạc lại riêng thửa đất của gia đình bà N và không đo lại đất nhà ông K và nhà Ông T, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về nội dung: Tại phiên tòa chi NLQ2 khai năm 2006 NLQ7 chuyển nhượng 34m² đất tại vị trí đất ngõ hiện NLQ6 đang sử dụng, diện tích đất này chưa tách ra khỏi thửa NLQ3 hộ của cụ P. Xét thấy, tại bản bản lấy lời khai ngày 03-10-2018 NLQ7 và vợ là NLQ8 trình bày anh chị có chuyển nhượng cho NLQ6, địa chỉ: xã N, huyện N diện tích đất làm ngõ đi có chiều 1,5m chiều dài 23 diện tích là 34m² đất. Việc chuyển 34m² đất này đã được trừ vào diện tích đất vợ chồng anh chuyển nhượng cho Ông T. Theo biên bản lấy lời khai của NLQ6 ngày 11-10-2018, năm 2006, NLQ6 mua của NLQ7 34m² đất làm ngõ đi được chính quyền địa phương xác nhận. Khoảng năm 2015-2016 NLQ7 bán đất cho Ông T không bao gồm 34m² đất ông mua của anh Đông. Tại biên bản làm việc với UBND xã N cung cấp năm 2006 NLQ7 có chuyển nhượng 34m² đất cho NLQ6 làm ngõ đi hay không Ủy ban xã không biết. Biên bản xác nhận ranh giới, mốc giới đất sử dụng làm ngõ đi ngày 23-12-2006 do bà N xuất trình, đây là việc xác định hiện trạng ngõ đi so với bản đồ địa chính năm 1993 và bản đồ địa chính năm 2002 và ngõ đi không liên quan gì đến các thửa đất liền kề gồm thửa đất của cụ P nay là Ông T sử dụng, thửa đất của Ông P (bà N), thửa đất của bà Túy nay là ông NLQ2. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận lời trình bày của chị NLQ2.

[5] Xét kháng cáo về việc đòi lại diện tích đất Ông T lấn có chiều dài 15m chiều rộng là 0,5m thấy: Nguồn gốc đất của gia đình bà N đang sử dụng là do cụ Ký là bố mẹ chồng bà N cho. Tại sổ mục kê mục kê năm 2002 tờ bản đồ số 6 thửa 2081 chủ sử dụng đất là ông K và ông P, trong đó ông K đất ở 215m², đất vườn 268m²; Ông P đất vườn 142m², đất ở 100m². Năm 1995 hộ Ông P (chồng bà N) được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 100m² đất ở và 142m² đất vườn nhưng chưa tách thửa vẫn chung thửa 2081 với cụ K nay là ông K1 quản lý sử dụng.

[6] Nguồn gốc đất của Ông T đang sử dụng là do năm 2015 Ông T nhận chuyển nhượng của NLQ7 là cháu cụ P, diện tích đất 186m² thuộc thửa 2084 tờ bản đồ số 6. Thửa đất Ông T tiếp giáp với thửa đất gia đình bà N. Năm 2016 Ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích đất là 186m².

[7] Căn cứ vào kết quả thẩm định tại chỗ ngày 06-11-2018 thì diện tích đất của nhà Ông T là 192,9m², diện tích đất ở của nhà bà N là 131,2m², diện tích đất tranh chấp là 1,8m². Như vậy, khi chưa cộng 1,8m² đất thì diện tích đất nhà Ông T thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 6,9m², còn diện tích đất ở nhà bà N thừa là 31,2m², do đất gia đình bà N và đất gia đình cụ K (nay do ông K1 đang sử dụng) chưa tách thửa, nên khi đo đạc chung cả thửa đất gia đình nhà ông K1 đang sử dụng thì tổng diện tích đất là 758,1m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông K1 và hộ Ông P có tổng diện tích là 725m². Như vậy, diện tích đất hộ Ông P (bà N) và hộ ông K (ông K1) tăng là 31,3m² (chưa tính diện tích đất 1,8m²). Do vậy, không có căn cứ xác định Ông T lấn sang đất bà N có chiều dài 15m chiều rộng 0,5m, nên kháng cáo của bà N không chấp nhận. Hội đồng xét xử xác định ranh giới giữa đất nhà bà N và đất nhà Ông T là đoạn thẳng A,A1 và 28 trong đó đoạn A-A1 dài 5,48m, đoạn A1-28 dài 9,98m, đoạn A-4 và đoạn A1-30 cách tường nhà bà N 0,15m.

[8] Về kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bà N đã rút yêu cầu khởi kiện về bồi thường thiệt hại, do Ông T xây

dựng nhà gây thiệt hại đến nhà bà N. Vì vậy, căn Điều 263 BLTTDS quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử không giải quyết.

[9] Tại mục 6 phần nhận định của bản án và mục 1 trong phần quyết định có sự mâu thuẫn nhau đoạn ranh giới giữa nhà bà N và nhà Ông T ở phần nhận định là 15cm còn ở phần quyết định là 0,15m. Xét thấy, sau khi tuyên án ngày 10-7-2018 Tòa án huyện Nam Trực đã ra quyết định sửa chữa bổ sung bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 29-6-2018 đã sửa chữa, 0,15cm thành 0,15m. Do vậy, không chấp nhận kháng cáo của bà N về sự mâu thuẫn này.

[10] Xét kháng cáo cho rằng Ông T nộp cho cấp sơ thẩm các bản ảnh chụp lại ranh giới giữa nhà bà N và nhà anh T trước khi Ông T xây nhà, bà N cho rằng các bức ảnh được ghép, giả mạo nhưng bà N không có tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình nên không được chấp nhận.

[11] Do bà N khởi kiện đòi lại 7,5m² đất và không phải xem xét đến giá trị quyền sử dụng đất, nên bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ. Do sửa án sơ thẩm về án phí người kháng cáo không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, hoàn lại cho chị NLQ2 số tiền tạm ứng án dân sự phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ tại Chi cục thi hành án huyện Nam Trực.

[11] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 166 và Điều 175 BLDS năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Sửa án sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của NLQ2.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của Bà Cao Thị N về việc buộc gia đình Ông Ngô Trọng T phải trả lại 7,5m² đất lấn chiếm có vị trí ở ranh giới phía Nam về phía đường N.

Xác định đoạn ranh giới quyền sử dụng đất giữa gia đình bà N tại thửa 2081 tờ bản đồ số 6 và quyền sử dụng đất của gia đình Ông T tại thửa 2084 tờ bản đồ số 6 đều có địa chỉ xã N, huyện N, tỉnh N là đoạn thẳng A, A1, 28 trong đó điểm 4 có vị trí tính từ mép ngoài góc tường nhà phía Tây Nam của nhà bà N tiếp giáp với đường N, từ điểm 4 kéo đoạn thẳng về phía Nam đến điểm A dài 0,15m, từ điểm A kéo đoạn thẳng cách đều tường nhà bà N là 0,15m đến điểm A1 dài 5,48m, từ điểm A1 kéo đoạn thẳng đến điểm 28 dài 9,98m. Có sơ đồ kèm theo.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: NLQ2 không nộp, hoàn lại cho chị NLQ2 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0002040 ngày 09-7-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị N phải nộp án phí là 300.000đ nhưng được đối trừ với số tiền bà N đã nộp tạm ứng án phí là 1.170.000đ theo biên lai thu tiền số 0001927 ngày 18-12-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nam Trực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- TAND huyện Nam Trực;
- VKSND huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Lưu VT; Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(*đã ký*)

Vũ Thị Thu